

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/HS-ST

Ngày: 11-07-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Bà Bùi Diễm Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự t hụ lý số: 237/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 05 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2018 đối với bị cáo: **Trần Văn L**, sinh ngày 30/06/1993, xã BS, SC, TN; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: xóm LS 2, xã BS, thành phố SC, tỉnh TN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Trần Văn D, sinh năm 1968; Con bà: Lã Thị L1, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lưu Thị Mỹ L2, sinh năm 1996; Có 01 con sinh năm 2016, Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 01- Tại bản án số 252/HSST ngày 21/07/2011 Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt Trần Văn L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2018 đến nay, Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1) Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: tổ 2X, phường HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên.

2) Chị Phan Thị Hồng Y, sinh năm 1996 (có mặt)

HKTT: thôn 11, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: SN X, tổ Y, phường ĐQ, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Trần Văn D, sinh năm 1968 (có mặt)

HKTT: xóm LS2, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

***Người làm chứng:**

1) Chị Ngô Thị L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: xóm GM, xã TT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở: Số 167B, đường MC, tổ 9, phường PĐP, TPTN, tỉnh TN (có mặt)

2) Chị Vũ Thị Thanh Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: tổ 18, phường TĐ, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L là công nhân nhà máy Sam Sung thông qua mạng xã hội (Zalo) L đưa ra thông tin giả tên là Nguyễn Quang H, địa chỉ nhà: số 172, thị trấn TĐ, VP; hiện là đại úy Quân đội đang đóng quân tại huyện SS, thành phố HN và có bố là lãnh đạo cấp cao trong quân đội, để làm quen với chị Nguyễn Thị Ng và chị Phan Thị Hồng Y. Quá trình quen biết L sử dụng thông tin trên để mọi người tin tưởng, sau một thời gian L đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Ng số tiền 356.500.000đ và có hành vi trộm cắp tài sản của chị Phan Thị Hồng Y, cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất:**

Vào khoảng đầu tháng 9/2016, thông qua mạng xã hội (Zalo) L làm quen với chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965, trú tại: tổ 25, phường HVT, TPTN, tỉnh TN (chị Ng dùng nickname: “Nguyễn Thị Ng”). Sau một thời gian nói chuyện trên Zalo, ngày 03/9/2016 L và chị Ng hẹn gặp nhau tại quán cafe “City View” trên đường MC, TPTN (TPTN), quá trình ngồi nói chuyện L đã nói dối chị Ng về việc L có làm thêm hụt 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) quỹ của đơn vị nên đang bị thanh tra kiểm tra, nếu không có tiền bù sẽ phải đi tù. Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Ng, L đưa ra thông tin gia đình có đóng bảo hiểm từ hồi học lớp 5 nên sẽ rút ra được khoảng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) nhưng chưa làm thủ tục rút tiền và hỏi vay tiền chị Ng, đồng thời nói khi nào rút tiền bảo hiểm sẽ trả tiền. Sau khi nghe L nói như vậy, chị Ng đã tin tưởng và đồng ý cho L vay tiền, ngày 06/9/2016, L hẹn gặp chị Ng tại nhà nghỉ Hương Giang thuộc khu vực tổ 18 phường QT, TPTN tại đây chị Ng đưa cho L số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), L viết một giấy vay nợ tiền của chị Ng và ký tên người vay là Nguyễn Quang H. Do thấy có thể dễ dàng lừa đảo lấy tiền của chị Ng nên những lần gặp nhau và trao đổi qua Zalo L tiếp tục nói dối với chị Ng là L cần thêm tiền để bù vào công quỹ. Do tin tưởng L nên ngày 11/9/2016 chị Ng hẹn gặp L tại đường tròn Đồng Quang, TPTN và đưa cho L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến ngày 18/9/2016, chị Ng tiếp tục đưa cho L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại cổng khách sạn Victory trên đường HVT, TPTN. Sau đó, nhiều lần L hỏi vay tiền của

chị Ng và yêu cầu chị Ng gửi tiền cho L vào số tài khoản: 711AC5592513 Ngân hàng Vietinbank mang tên Trần Văn L và nói dối đó là tài khoản của bạn. Do tin tưởng L nên chị Ng đã 08 lần chuyển tiền thông qua tài khoản ngân hàng 711AC5592513 Ngân hàng Vietinbank mang tên Trần Văn L vào các ngày 05/10/2016; 11/11/2016; 08/12/2016; 21/12/2016; 09/01/2017; 10/01/2017; 20/01/2017; 13/3/2017 với tổng số tiền 188.500.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và một lần chị Ng chuyển số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) vào số tài khoản 027704060094783 mang tên Đinh Thùy L tại Ngân hàng VIB chi nhánh Quan Hoa, Cầu Giấy vào ngày 21/12/2016 theo yêu cầu của L. Toàn bộ số tiền trên L đều sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau đó L tiếp tục nói dối chị Ng là L phải chuẩn bị đi du học ở Hàn Quốc nên cần tiền mua vé máy bay, đến ngày 02/11/2016, lúc này chị Ng đang khám bệnh tại Bệnh viện K - Hà Nội, L đã đến Bệnh viện K gặp chị Ng nhận số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau đó đến ngày 15/12/2017, L và chị Ng hẹn gặp nhau tại Nhà nghỉ ở sau Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên thuộc phường PDP, TPTN và viết cho chị Ng 01 giấy vay nợ tổng số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) là tổng số tiền L đã nhận của chị Ng từ trước đó ký tên người vay tiền là Nguyễn Quang H. Sau đó, L tiếp tục nói dối chị Ng bị ung thư vòm họng và bảo chị Ng gửi tiền để chữa bệnh, do thấy L vay tiền của mình rất nhiều lần nhưng không trả được lần nào, chị Ng nhận thấy mình đã bị L lừa lấy tiền nên đã làm đơn trình báo Công an TP Thái Nguyên. Đến ngày 05/01/2018, L hẹn gặp chị Ng tại quán cafe “Pi Pi” trong bảo tàng TN để lấy số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TPTN phát hiện bắt giữ.

Vụ thứ hai:

Khoảng đầu năm 2017, Trần Văn L thông qua mạng xã hội (Zalo) làm quen với chị Phan Thị Hồng Y, chỗ ở: số nhà 2, tổ 7, phường ĐQ, TPTN, tỉnh TN. Khoảng hơn 18 giờ ngày 19/12/2017, L nhắn tin hẹn chị Y đi ăn tối tại “Ốc Cao Quán” gần khu vực trường Đại học sư phạm TN. Chị Y đồng ý và đón taxi đi đến địa điểm mà L đã hẹn, khi chị Y vừa đi khỏi phòng trọ thì L bắt taxi đến phòng trọ của chị Y, thấy chiếc xe mô tô Honda Vision màu xanh, BKS 98M1 - 144.92 của chị Y dựng trước cửa nhà, không có ai quản lý, L sử dụng 01 (Một) chìa khóa xe mô tô Nouvo (là xe của L) mở ổ khóa điện xe, nổ máy rồi điều khiển xe đến Bệnh viện Đa khoa Trung Ương TN, gửi xe ở đó, sau đó L bắt taxi đến quán ăn đã hẹn trước để gặp chị Y. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đi ăn về thì chị Y phát hiện bị mất xe mô tô nên đã đến Công an phường ĐQ trình báo. Khoảng 4 - 5 ngày sau, L đến phòng trọ của chị Y lấy trộm đăng ký xe mô tô của chị Y và đến bệnh viện đa khoa Trung Ương TN lấy xe ra rồi đem đến quầy cầm đồ của chị Vũ Thị Thanh T, (sinh năm 1988, tại tổ 18, phường TĐ, TPTN) thế chấp lấy 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và tiêu xài vào mục đích cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐGTS ngày 21/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Honda Vision BKS 98M1 - 144.92, của chị Y đã qua sử dụng có trị giá là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Bản cáo trạng số 249/CT-VKSTPTN ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố, bị cáo xác định do mua bán chó cảnh bị thua lỗ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản do đó đã đưa ra thông tin giả về nhân thân, quá trình công tác, bệnh tật để lấy lòng tin của chị Ng với mục đích chiếm đoạt tài sản cũng như lợi dụng sự quen biết, sự sơ hở của chị Y để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Y. Bị hại Phan Thị Hồng Y trình bày do có quen biết với L thời gian khá lâu với tên Nguyễn Quang H với lai lịch như bị cáo trình bày tối 19/12/2017 L rủ đi ăn tối do trời lạnh nên Y đi bằng taxi đến quán ăn. Sau khi ăn tối thì Y và L chia tay, đến khi về thì phát hiện mất xe máy có gọi điện cho L và cùng nhau trình báo công an, đến nay chiếc xe máy đã thu hồi trả cho chị quản lý sử dụng, chị không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo, về phần hình phạt đề nghị xem xét xử lý theo quy định pháp luật. Ông Trần Văn D xác định sau khi L bị bắt thì ông nhận được thông tin L nhờ lấy xe và bồi thường cho các bị hại, ông xác định trách nhiệm là cha lên cũng đã vay mượn để bồi thường cho chị Ng được 200.000.000đ; cùng chị Y đi trả tiền cho chị Th để lấy xe trả cho chị Y. Tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền trên. Chị Ng vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên đề nghị xét xử vắng mặt đối với chị, đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền còn chưa trả cho chị và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân TPTN luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09-12 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 08-09 năm tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 08 năm 09 tháng đến 10 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị Hồng Y đã lấy lại tài sản là chiếc xe mô tô, không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét. Buộc bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 156.500.000đ. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được lỗi lầm và hành vi phạm tội của mình, bị cáo gửi lời xin lỗi tới gia đình bị hại, bố mẹ, vợ con mong Hội đồng xét xử cho được hưởng lượng

khoan hồng của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TPTN, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TPTN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Ng tuy nhiên Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa đối với chị Ng, đồng thời chị Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại Ng.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai bị hại, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trần Văn L để tạo niềm tin cho các bị hại đã lấy tên là Nguyễn Quang H, địa chỉ nhà: số 172, thị trấn TĐ, VP, hiện là đại úy Quân đội đang đóng quân tại huyện SS, thành phố Hà Nội. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2016 đến ngày 05/01/2018 Trần Văn L lợi dụng lòng tin và sự sơ hở của người khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2016 đến ngày 05/01/2018 L dùng thủ đoạn gian dối sử dụng tên, địa chỉ giả nói cần tiền để bù vào công quỹ, chữa bệnh nhằm làm cho chị Ng tin tưởng để vay của chị Nga nhiều lần tiền với tổng số tiền 356.500.000 đồng, toàn bộ số tiền trên L mang đi tiêu sài cá nhân hết, đến ngày 05/01/2018 L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối để vay tiền chị Ng thì bị lực lượng công an bắt thu giữ 8.000.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/12/2017, tại khu nhà trọ của chị Phan Thị Hồng Y ở tổ 7, phường Đồng Quang, TPTN, lợi dụng hện chị Y đi ăn tối để xe mô tô ở nhà trọ không có người trông con, L đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Vision màu xanh, BKS 98M1 - 144.92 của chị Yên, vài ngày sau lấy trộm giấy tờ xe máy và mang xe đến thế chấp cho Vũ Thị Thanh Th lấy 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và tiêu xài hết số tiền trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐGTS ngày 21/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 98M1 - 144.92, của chị Y đã qua sử dụng có trị giá là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Với mục đích chiếm đoạt tài sản, L đã đưa ra thông tin gian dối để tạo lòng tin của chị Ng để nhiều lần nhận tiền của chị Ng với tổng số tiền 356.500.000 đồng như trên, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và hành vi lén lút lợi dụng sự sơ hở của người khác chiếm đoạt tài sản của chị Y với giá trị 27.000.000đ, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Nội dung điều luật quy định:

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác mà có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999

1) Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác mà có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2)...

3) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm

a) Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng ”.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chị Nguyễn Thị Ng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nhân thân bị cáo năm 2011 bị xét xử về tội Cướp giật tài sản đến nay bản án đã được xóa án tích do đó bị cáo không phải

chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu BKS 98M1 – 144.92 ông Trần Văn D đã trả tiền bị cáo thế chấp, ngày 17/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TPTN đã trả cho chị Phan Thị Hồng Y quản lý sử dụng; chị Y không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 356.500.000đ bị cáo L đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Ng, chị Ng yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại chưa trả. Xét thấy yêu cầu của chị Ng là phù hợp quy định pháp luật, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho chị Ng số tiền 200.000.000đ; đối với số tiền 8.000.000đ cơ quan điều tra thu giữ ngày 05/01/2018, đến ngày 15/01/2018 cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chị Ng quản lý sử dụng. Do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền còn lại là 148.500.000đ.

Đối với toàn bộ số tiền đã trả cho chị Ng và tiền trả thế chấp xe mô tô của chị Y là số tiền của ông Trần Văn D bố để bị cáo bỏ ra bồi thường, tại phiên tòa ông D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..."* do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản, sống lệ thuộc vào gia đình do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này có chị Vũ Thị Thanh Th là người cho bị cáo thế chấp chiếc xe mô tô do L chiếm đoạt mà có, nhưng khi thế chấp xe có đủ giấy tờ xe nên chị Th không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 22.000.000đ mua điện thoại ngày 11/09/2016 chị Ng xác định là tiền mua điện thoại và tặng cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với chủ tài khoản 027704060094783 mang tên Đinh Thùy L tại ngân hàng Quốc tế (VIB) chi nhánh Quan Hoa, Cầu Giấy là người nhận số tiền 35.000.000đ chuyển khoản từ chị Ng cho L, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định đây là số tiền bị cáo trả cho chị L để mua chó cảnh, qua xác minh đến nay chưa rõ lai lịch, địa chỉ của chị L nên chưa có cơ sở xem xét, xử lý.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “ Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

[2] Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 08 (Tám) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu hình phạt chung cho cả 2 tội là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn L 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 148.500.000đ (Một bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.425.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Văn L; Bị hại Phan Thị Hồng Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền